TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 5 – 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Kim Tiến

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nga là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé P , sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp HL, xã NT, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Số D4/25, ấp 4, xã LMX, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Phan Tấn T , sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp 3B, xã HT, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị P có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé P trình bày: Chị và anh Phan Tấn T là vợ chồng cưới nhau từ năm 2019, đến ngày 22/10/2020 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HT cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn đánh đập

chị, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh T đã xa nhau và đã ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Tấn T .

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Phan Khánh Q , sinh ngày 23/4/2020. Hiện con chung đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị giao con cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị P xác định chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P xác định chị và anh T không có nợ ai.

Bị đơn anh Phan Tấn T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị P yêu cầu được ly hôn với anh T , nhưng anh T vẫn vắng mặt không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị P .

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Bé P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Tấn T . Anh T hiện đang cư trú tại xã HT, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là anh Phan Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé P:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Bé P và anh Phan Tấn T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 79/2020 đăng ký ngày 22/10/2020 do Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị P và anh T đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân

do chị P trình bày. Anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị P yêu cầu được ly hôn với anh T tại Tòa án, nhưng anh T vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa chị P và anh T là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị P cương quyết ly hôn với anh T là có cơ sở, nên chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, cháu Phan Khánh Q, sinh ngày 23/4/2020 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Chị P không tranh chấp nuôi con chung và có ý kiến giao con chung cho anh T nuôi, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Anh T luôn vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại con chung đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, nên cần giao cháu Quyên cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

[4.3] Về chia tài sản chung: Do anh T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị P xác định không có tài sản chung, Tòa án không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do anh T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị P xác định không có nợ chung, Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bé P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé P.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé P được ly hôn với anh Phan Tấn T .

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phan Tấn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Phan Khánh Q, sinh ngày 23/4/2020. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bé P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009819 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Chị P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã HT; *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**